

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2021/DS-PT

Ngày 21/12/2021

V/v Tranh chấp QSD đất và
di dời tài sản gắn liền trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản gắn liền trên đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 283/2021/QĐ-PT ngày 03/11/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 510/TB-TA ngày 30/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ: Bà Phan Thị B; cư trú tại ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Luật sư Lê Văn L2 – Văn phòng luật sư Lê L2, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trương Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phan Thị B (vợ ông Đ), sinh năm 1961
2. Nguyễn Thị T1 (con ông Đ), sinh năm 1986
3. Nguyễn Thị T2 (con ông Đ), sinh năm 1988
4. Nguyễn Văn L1 (con ông Đ), sinh năm 1990
5. Nguyễn Thị Cẩm G (con ông Đ), sinh năm 1991
6. Nguyễn Thị Cẩm T3 (con ông Đ), sinh năm 1996
7. Nguyễn Thị Cẩm T4 (con ông Đ), sinh năm 1996
8. Nguyễn Thị Cẩm T5 (con ông Đ), sinh năm 2003;

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị Cẩm T5: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị B; cùng cư trú tại Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo pháp luật (cha, mẹ của Cẩm T5).

9. Trần Hoài T6 (con bà L), sinh năm 2000

Địa chỉ cư trú: Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Trần Hoài T6: Bà Trương Thị L; cư trú tại Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ.

(Ông Đ, Luật sư L2, bà B, bà L có mặt; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Phan Thị B trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ tên Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Thị N2 (đã chết); cha mẹ chết để lại quyền sử dụng đất này cho gia đình ông Đ (hộ ông Đ) quản lý từ năm 1985 đến nay.

Cha mẹ bà Trương Thị L và bà L không có đất ở nên có đến hỏi mượn quyền sử dụng đất của gia đình bà để cất nhà ở. Nhận thấy hoàn cảnh gia đình bà L gặp khó khăn nên ông Đ cho bà L mượn đất cất nhà. Việc cho mượn đất chỉ nói miệng, không lập văn bản. Tuy nhiên, cha mẹ bà L cam kết, khi cha mẹ bà L chết sẽ trả lại quyền sử dụng đất này cho gia đình bà. Sau khi cha mẹ bà L chết, bà L tiếp tục gặp bà B để xin cho tiếp tục ở trên đất và có đưa cho bà B 02 chỉ vàng để được tiếp tục ở, sau này bà cho ở nữa.

Năm 2017, bà L tiến hành sửa nhà, bà B không cho nên bà L có cam kết với bà B và chính quyền địa phương đến ngày 14/9/2019, bà L sẽ di dời nhà trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình (theo biên bản tiếp xúc ông Nguyễn Văn Đ với bà Trương Thị L ngày 14/9/2017 và biên bản hòa giải ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã TH).

Đến nay, đã quá thời hạn trả đất, bà B có đến gặp bà L nhiều lần, yêu cầu bà L di dời nhà trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình bà nhưng bà L không chịu thực hiện theo cam kết. Bà L yêu cầu được mua lại quyền sử dụng đất này, nhưng bà B không thống nhất cho bà L tiếp tục ở nữa, cũng không chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ai cả, do con bà B cần đất ở nên bà B yêu cầu bà L trả đất này lại.

Nay bà Phan Thị B yêu cầu bà Trương Thị L, anh Trần Hoài T6 phải liên đới di dời toàn bộ nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa 2020, tờ bản đồ số 2 để giao đất lại cho hộ ông Nguyễn Văn Đ theo quy định của pháp luật.

- *Bị đơn là bà Trương Thị L trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của đồn bót Vàm Sếp. Năm 1975, bà L đến ở trên phần đất này, khi đó, đất không ai quản lý, sử dụng, bà L không biết đất này là của cá nhân nào, chỉ biết đất của đồn bót.

Năm 1982, ông Đ đến gặp bà L và cho rằng quyền sử dụng đất này là của ông Đ và yêu cầu bà L trả lại đất, tuy nhiên, bà L và ông Đ thống nhất thỏa thuận việc ông Đ chuyển nhượng cho bà L toàn bộ quyền sử dụng đất này với giá 02 chỉ vàng 24kara, bà L nhận đất và trả vàng đầy đủ. Bà L đã quản lý, sử dụng ổn định đến năm 2017, bà L tiến hành sửa chữa nhà thì bà B (vợ ông Đ) cho rằng đất của gia đình bà B nên ngăn cản không cho bà L sửa nhà.

Bà L có trình bày với Ủy ban nhân dân xã TH, giải quyết trong 02 năm bà L tháo dỡ căn nhà còn không thì hai bên thương lượng với nhau.

Trước đây, bà L có đưa cho ông Đ 02 chỉ vàng 24kara để mua đất này, nhưng sau này ông Đ không thừa nhận có bán đất này cho bà L.

Nay bà L không còn đất nào khác để ở, tại phiên tòa hôm nay, bà L đồng ý trả cho hộ ông Đ giá trị quyền sử dụng đất diện tích 82,8m² theo giá của Hội đồng định giá tài sản.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trương Thị L, anh Trần Hoài T6 phải liên đới trả cho hộ ông Nguyễn Văn Đ (hộ ông Đ gồm có: ông Nguyễn Văn Đ, bà Phan THỊ B, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị Cẩm G, chị Nguyễn Thị Cẩm T3, chị Nguyễn Thị Cẩm Thi, chị Nguyễn Thị Cẩm T5) giá trị quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thành tiền 20.700.000đồng (hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày hộ ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02 do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp, hộ ông Nguyễn Văn Đ không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02, thì bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², trong phạm vi từ mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 trở về mốc 1, đất tọa lạc tại Ấp THT, xã TH, Thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân THỊ xã Hồng Ngự thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ vào ngày 24/5/2016, để cấp quyền sử dụng đất lại cho bà Trương THỊ L và anh Trần Hoài T6.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 03 – 2020 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai THỊ xã Hồng Ngự và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04 tháng 3 năm 2020).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ là người cao tuổi nên thuộc trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí, án phí nên không đặt vấn đề xử lý.

Bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.035.000đồng (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Bà Phan Thị B, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị Cẩm G, chị Nguyễn Thị Cẩm T3, chị Nguyễn Thị Cẩm Thị, chị Nguyễn Thị Cẩm T5 đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Do ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu chi phí thẩm định, định giá; bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới chịu tổng cộng 2.492.000đồng (trong đó, ông Nguyễn Văn Đ nộp 1.992.000đồng, còn bà Trương Thị L nộp 500.000đồng), nên bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 1.992.000đồng (một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Ngày 02/10/2020 ông Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 26/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ, bà B phát biểu: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà L phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư Lê Văn L2 phát biểu:

+ Nếu bà L cho rằng bà đã mua đất rồi thì tại sao phải xin bà B mua đất lần nữa.

+ Gia đình ông Đ có 08 người con nên có nhu cầu rất lớn về chỗ ở.

+ Đất tranh chấp đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm, buộc hộ bà L di dời nhà trả đất. Trường hợp Tòa án buộc không trả đất thì phải tăng giá trị đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản gắn liền với đất là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Đ về việc yêu cầu hộ bà L di dời nhà trả 82,8m² đất cho ông, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần đất tranh chấp có diện tích 82,8m² có nguồn gốc là của cha mẹ ông Đ để lại cho ông Đ sử dụng, đất thuộc một phần thửa đất số 2020, tờ bản đồ số: 02, do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại Ấp THT, xã TH, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Trên đất tranh chấp có một căn nhà của bà L, kết cấu: Mái tôn sóng vuông, đòn tay gỗ tạp xẻ vuông, vách tôn sóng tròn, sàn gỗ tạp; 01 mái hiên liền nhà chính, kết cấu: mái lợp tôn sóng vuông, đòn tay gỗ tạp xẻ vuông, khung gỗ tạp; 01 bậc lam dốc, khung bê tông cốt thép, trụ đá, mặt lát xi măng; và các tài sản khác.

Hộ bà L gồm có bà L và anh T6.

Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp xác định được: Từ năm 1975 đến nay, gia đình của bà L trực tiếp quản lý, sử dụng, vì gia đình ông Đ có cho gia đình bà L ở nhờ và có trả vàng cho ở nhờ với số vàng 02 (hai) chỉ vàng 24kara 9T8. Đến năm 2017, bà L sửa chữa lại căn nhà thì gia đình ông Đ tranh chấp.

Căn cứ vào biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã TH, bà L có cam kết sau 02 năm (kể từ ngày 14/9/2017 đến ngày 14/9/2019) là sẽ dỡ nhà trả đất cho gia đình ông Đ, nhưng đến nay bà L không chịu trả, mà còn nói đã nhận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình ông Đ với số vàng 02 (hai) chỉ vàng 24 kara 9T8, gia đình ông Đ không thừa nhận có chuyển nhượng quyền sử dụng đất (nền nhà) cho bà L và bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với gia đình ông Đ.

Tại công văn số: 909/UBND-HC, ngày 06/7/2020 của Ủy ban nhân dân Thị xã H có nội dung như sau: “...2. Theo hồ sơ địa chính do cơ quan chuyên môn lưu trữ, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ năm 2016 là thực hiện thủ tục tách thửa, thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định,...”.

Do đó, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có đủ chứng cứ nên chấp nhận. Lẽ ra, phải buộc bà L, anh T6 phải di dời căn nhà, vật, kiến trúc ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất lại cho hộ ông Đ, nhưng theo công văn số: 415/UBND đề ngày 08/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã TH, về việc cung cấp thông tin của hộ bà Trương Thị L, ngoài khu đất bà Trương Thị L đang cất nhà ở, hộ bà Trương Thị L chưa được cấp quyền sử dụng đất nào khác và đất này do gia đình bà L trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1975 cho đến nay, nghĩ nên tiếp tục giao đất cho bà L quản lý, sử dụng. Đồng thời, bà L xin được ở trên phần đất này và trả cho hộ ông Đ trả giá trị quyền sử dụng đất. Ông Đ yêu cầu định giá lại và nộp tạm ứng lệ phí 3.000.000đ. Theo định giá của Hội đồng định giá tài sản lần 2 xác định đất tranh chấp có giá 250.000đ/m².

Do đó buộc bà L, anh T6 phải liên đới trả lại giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông Đ 20.700.000đ (diện tích 82,8m² x 250.000đồng = 20.700.000đ).

Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của ông Đ không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ các cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được miễn theo quy định của pháp luật.

Bà L phải chịu chi phí định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

2. Buộc bà Trương Thị L, anh Trần Hoài T6 phải liên đới trả cho hộ ông Nguyễn Văn Đ (hộ ông Đ gồm có: ông Nguyễn Văn Đ, bà Phan Thị B, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị Cẩm G, chị Nguyễn Thị Cẩm T3, chị Nguyễn Thị Cẩm T4, chị Nguyễn Thị Cẩm T5) giá trị quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thành tiền 20.700.000đồng (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày hộ ông Nguyễn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02 do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp, hộ ông Nguyễn Văn Đ không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02, thì bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập thủ tục đăng ký, kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², trong phạm vi từ mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 trở về mốc 1, đất tọa lạc tại Ấp THT, xã TH, Thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 82,8m², thuộc một phần thửa đất số: 2020, tờ bản đồ số: 02 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn Đ vào ngày 24/5/2016, để cấp quyền sử dụng đất lại cho bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: 03 – 2020 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã H và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04 tháng 3 năm 2020).

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.035.000đồng (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Phan Thị B, chị Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn L1, chị Nguyễn Thị Cẩm G, chị Nguyễn Thị Cẩm T3, chị Nguyễn Thị Cẩm T4, chị Nguyễn Thị Cẩm T5 đều không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá:

Do ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu chi phí thẩm định, định giá; bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới chịu tổng cộng 5.492.000đồng (trong đó, ông Nguyễn Văn Đ nộp 4.992.000đồng, còn bà

Trương Thị L nộp 500.000đồng), nên bà Trương Thị L và anh Trần Hoài T6 phải liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 4.992.000đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS TP. H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thông